

Bản án số: 143/2024/KDTM-PT

Ngày: 05 - 6-2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thanh Tú

*Các Thẩm phán:*

1/ Bà Trương Thị Quỳnh Trâm.

2/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Oanh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 92/KDTM-PT ngày 21/3/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 193/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2013/QĐPT-KDTM ngày 17/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3876/QĐ-HPT ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S.

Địa chỉ: 420 L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:*

Ông Nguyễn Thái Hải L

Bà Nguyễn Đỗ Sơn Tr;

Cùng địa chỉ: 420 L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1418UQ-VV ngày 29 tháng 3 năm 2023).

*Bị đơn:* Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H;

Địa chỉ: Lầu 7, số 60 tòa nhà HP B, T, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của Bị đơn:*

Ông Trần Xuân N (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Hoặc ông Nguyễn Anh Quân (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 43/3A đường T, ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền đề ngày 05 tháng 8 năm 2023).

Do có kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2023, Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc A, ông Nguyễn Thái Hải L và bà Nguyễn Đỗ Sơn Tr – người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S (Công ty S ) trình bày:*

Ngày 01/8/2019, Chi nhánh Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ S – V Bình Dương (Chi nhánh V Bình Dương ) và Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H (Công ty H) đã ký kết Hợp đồng cung cấp số 16/HĐCC-2019. Theo đó, Chi nhánh V Bình Dương bán các mặt hàng thịt heo, bò, gà các loại, thực phẩm chế biến các loại, rau củ quả, công nghệ phẩm cho Công ty H, hợp đồng có thời hạn từ ngày 01/8/2019 đến ngày 31/12/2019. Ngày 02/01/2020, hai bên tiếp tục giao kết Hợp đồng cung cấp số 16/HĐCC-2020 với nội dung giao dịch tương tự như Hợp đồng đã ký ngày 01/8/2019, hợp đồng có thời hạn từ ngày 02/01/2020 đến ngày 31/12/2020. Chi nhánh V Bình Dương đã tiến hành nhiều đợt giao hàng theo thỏa thuận của 02 hợp đồng trên và xuất hóa đơn đầy đủ cho Công ty H. Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho Chi nhánh V Bình Dương trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hóa đơn của từng đợt.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H viện lý do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nên thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với chi nhánh V Bình Dương dù được nhắc nhở nhiều lần bằng văn bản (Công văn đề nghị thanh toán Công nợ ngày 21/02/2020; ngày 27/02/2020; ngày 28/9/2020; ngày 03/8/2022; ngày 01/12/2022; Công văn 09/VS-BD ngày 10/2/2023). Công ty H luôn viện lý do, tự đưa ra các mốc thời gian cam kết thanh toán nợ (Công văn số 06/2020 ngày 22/5/2020; Giấy cam kết thanh toán công nợ ngày 28/01/2021; Công văn cam kết thanh toán công nợ ngày 07/12/2021; Công văn 312/2022-HH ngày 03/12/2022 về việc phúc đáp văn bản số 5013/VV) nhưng không thực hiện đúng cam kết.

Ngày 02/01/2022, Chi nhánh Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S – Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng V (Trung tâm kinh doanh chuỗi) và Công ty H ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/HĐMB-TT 2022; theo đó, Công ty H là nhà cung cấp hàng hóa, được nhận các khoản thanh toán từ việc Trung tâm kinh doanh chuỗi mua hàng.

Ngày 15/12/2022, Trung tâm kinh doanh chuỗi và Công ty H đã ký kết Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/09/HĐMB-TT 2022 điều chỉnh điều khoản thanh toán tại Hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/HĐMB-TT 2022, theo đó, hai bên thỏa thuận Trung tâm kinh doanh chuỗi có quyền lựa chọn việc thanh toán đến đơn vị nhận là Chi nhánh V Bình Dương hoặc Công ty S nhằm cản trừ công nợ số tiền mà Công ty H nợ Chi nhánh V Bình Dương .

Tính đến ngày 10/3/2023, sau khi cản trừ công nợ với Trung tâm kinh doanh chuỗi với số tiền 71.750.488 đồng, Công ty H còn nợ số tiền 319.002.012 đồng.

*Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho các người đại diện của bị đơn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26 tháng 7 năm 2023, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phương N trình bày:*

Bị đơn không đồng ý toàn bộ với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị đối chiếu số liệu phát sinh giữa hai bên. Ngoài ra, bị đơn có thiện chí hòa giải với nguyên đơn và đề xuất phương án trả nợ cho nguyên đơn như sau: ngoài số tiền phát sinh giữa hai bên hàng tháng được cản trừ, Công ty H đề xuất thanh toán mỗi tháng 50.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ. Công ty H đề xuất Công ty S đặt thêm hàng hóa để Công ty H có cơ hội trả nợ dứt điểm sớm cho Công ty S.

*\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 193/KDTM-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S:

Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng cung cấp số 16/HĐCC-2019 ngày 01/8/2019, Hợp đồng cung cấp số 16/HĐCC-2020 ngày 02/01/2020 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/HĐMB-TT 2022 ngày 02/01/2022 là 293.884.280 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm tám mươi tư nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án.

*Ngày 27/9/2023 bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.*

**\* Tại phiên tòa Phúc thẩm:**

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Đại diện Nguyên đơn - Công ty S xác định tính đến ngày 29/02/2024 thì Công ty H còn nợ nguyên đơn số tiền là 189.024.731 đồng yêu cầu bị đơn trả số tiền 189.024.731 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Đại diện bị đơn Công ty H xác định tính đến ngày 29/02/2024 thì Công ty H còn nợ nguyên đơn số tiền là 189.024.731 đồng, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 189.024.731 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, Công ty H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn sửa án sơ thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận tính đến ngày 29/02/2024 thì Công ty H còn nợ nguyên đơn số tiền là 189.024.731 đồng, bị đơn kháng cáo yêu cầu trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty H còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của hai bên đương sự có cơ sở để xác định ngày 01/8/2019, Chi nhánh

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ S – V Bình Dương (Chi nhánh V Bình Dương) và Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H (Công ty H) đã ký kết Hợp đồng cung cấp số 16/HĐCC-2019 (hợp đồng có thời hạn từ ngày 01/8/2019 đến ngày 31/12/2019) và Hợp đồng cung cấp số 16/HĐCC-2020 ngày 02/01/2020 (hợp đồng có thời hạn từ ngày 02/01/2020 đến ngày 31/12/2020), theo đó, Chi nhánh V Bình Dương bán các mặt hàng thịt heo, bò, gà các loại, thực phẩm chế biến các loại, rau củ quả, công nghệ phẩm cho Công ty H. Thực hiện hợp đồng thì Chi nhánh V Bình Dương đã tiến hành nhiều đợt giao hàng theo thỏa thuận của 02 hợp đồng trên và xuất hóa đơn đầy đủ cho Công ty H.

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/HĐMB-TT 2022 ngày 02/01/2022 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S – Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng V (Trung tâm kinh doanh chuỗi) và Công ty H theo đó, Công ty H là nhà cung cấp hàng hóa, được nhận các khoản thanh toán từ việc Trung tâm kinh doanh chuỗi mua hàng. Và căn cứ Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/09/HĐMB-TT 2022 ngày 15/12/2022 giữa Trung tâm kinh doanh chuỗi và Công ty H về việc điều chỉnh điều khoản thanh toán tại Hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/HĐMB-TT 2022. Theo đó, hai bên thỏa thuận Trung tâm kinh doanh chuỗi có quyền lựa chọn việc thanh toán đến đơn vị nhận là Chi nhánh V Bình Dương hoặc Công ty S nhằm cản trừ công nợ số tiền mà Công ty H nợ Chi nhánh V Bình Dương.

Căn cứ Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 quy định về Hình thức hợp đồng mua bán hàng hoá: “1. Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.”

Căn cứ Điều 50 Luật thương mại năm 2005 quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ Điều 55 Luật thương mại năm 2005 quy định: “Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa.”

Căn cứ biên bản cản trừ công nợ ngày 29/02/2024 giữa Công ty S và Công ty H thì tính đến ngày 29/02/2024 thì Công ty H còn nợ nguyên đơn số tiền là 189.024.731 đồng.

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty H xác nhận có việc ký kết, thực hiện các hợp đồng, phụ lục hợp đồng và xác định sau khi bản án sơ thẩm tuyên xử thì Công ty H đã thanh toán 01 phần nợ cho Công ty S và tính đến ngày 29/02/2024 thì Công ty H còn nợ nguyên đơn số tiền là 189.024.731 đồng, đồng ý trả số tiền 189.024.731 đồng cho nguyên đơn nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng/tháng cho tới khi hết nợ, Công ty S không đồng ý cho trả

dần mà yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về số tiền Công ty H phải thanh toán cho Công ty S.

Từ những nhận định nêu trên có cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty H thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng còn nợ là 189.024.731 đồng. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty H yêu cầu trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[4] Tại phiên tòa, Công ty H cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty H.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty H không được chấp nhận nên Công ty H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; cùng các Điều Luật đã viện dẫn.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 193/2023/KDTM-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S:

Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng cung cấp số 16/HĐCC-2019 ngày 01/8/2019, Hợp đồng cung cấp số 16/HĐCC-2020 ngày

02/01/2020 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số 09/HĐMB-TT 2022 ngày 02/01/2022 là 189.024.731 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu không trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi một đồng.)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

### 3. Về án phí:

#### 3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.451.237 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi một ngàn hai trăm ba mươi bảy đồng.)

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.975.050 đồng (Bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0043314 ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 3.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H phải chịu án phí số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/000044514 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thanh Tú**





